

Tập 81

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm ba mươi một:

Nhị, Duy Thức.

二、唯識。

(Hai, Duy Thức).

Đây là đoạn thứ hai, chúng ta thảo luận về Giáo Thể.

(Huyền Nghĩa) Duy thức giả, thử văn, thử nghĩa, giai thức sở biến, nhị hữu bốn ảnh tứ cú.

(玄義)唯識者，此文此義，皆識所變，而有本影四句。

(Huyền Nghĩa: “Duy Thức”: Văn và nghĩa này đều do thức biến, nhưng có bốn câu “bốn, ảnh”).

“Duy Thức” là gì? Trước hết, chúng ta phải hiểu rõ điều này. Trong tám tông phái của Phật giáo Đại Thừa, có một tông phái gọi là Duy Thức Tông (Yogācāra Vijñānavāda), còn gọi là Pháp Tướng Tông. Trong toàn bộ Phật pháp, Duy Thức chiếm địa vị rất trọng yếu. Mọi người đều biết: Phật pháp nói đến giới luật. Vì thế, đối với giới luật, bất luận học Tiểu Thừa, hay học Đại Thừa, bất luận là tông nào, phái nào, chẳng thể nói là không cần trì giới, chẳng có đạo lý ấy! Hiển Tông hay Mật Tông đều phải trì giới nghiêm ngặt. Giới luật là khoa mục chung của Phật giáo, là khoa mục phải tu. Những khoa mục chung bắt buộc phải tu, ngoài Giới Luật ra, còn có Duy Thức và Tịnh Độ. Ba thứ này là khoa mục chung của người học Phật. Duy Thức là nói đến lý luận; tức là nói đến lý luận trong Phật pháp, vũ trụ và nhân sinh do đâu mà có? Vì sao chúng ta biến thành phàm phu? Sau khi bị biến thành phàm phu, phải dựa theo lý luận nào thì mới có thể tu thành Phật? Những lý luận này đều ở trong Duy Thức. Tịnh Độ niệm Phật cầu sanh Tây Phương, là chỗ quy túc chung của Phật giáo. Nói cách khác, bất luận tông nào, phái nào, dù Hiển hay Mật, không gì chẳng lấy Tây Phương Tịnh Độ làm chỗ quy túc cuối cùng. Vì thế, ba thứ này là khoa mục chung bắt buộc phải tu trong Phật giáo.

Do điều này, bất luận kinh luận nào, nói đến Giáo Thể thì phải nói đến Duy Thức. Duy Thức đương nhiên là một môn học vấn rất sâu, con người hiện đại gọi môn này là Triết Học Duy Thức. Nói cách khác, nếu học Phật mà chẳng hiểu Duy Thức, sẽ không có cách nào hiểu được đạo lý trong Phật giáo, chẳng thể thâm nhập, tìm hiểu lý luận, sẽ trở thành chướng ngại nghiêm trọng trong tu học. Chỉ riêng pháp môn Niệm Phật, nếu quý vị cảm thấy Duy Thức hết sức rắc rối, rất khó học, quý vị chẳng học môn này cũng được, cứ thật thà niệm Phật là được rồi, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ học cũng chẳng muộn. Trước hết, giữ lấy Tây Phương; sau đây học rộng nghe nhiều, trong Phật pháp chỉ có một con đường này! Vì thế, nói pháp môn này “*vạn người tu, vạn người về*”. Quý vị không đi theo, chẳng có cách nào hết! “*Vạn người tu, vạn người về*”, nhưng quý vị nhất định phải chịu đi thì mới được. Chẳng chịu đi sẽ chẳng được!

Ít nhiều gì thì chúng ta cũng phải hiểu đôi chút kiến thức cơ bản thông thường về Duy Thức. Cơ bản nhất là Bách Pháp Minh Môn, đây là Duy Thức nhập môn, cũng có thể nói là khái luận nhập môn của Duy Thức Tông. Chúng ta có kiến thức thông thường ấy là đủ rồi, là được rồi. Duy (唯) là chỉ có, chúng ta thường nói Thức là phân biệt, liễu biệt; đặc biệt chú trọng chữ Liễu Biệt. Liễu (了) là hiểu rõ, Biệt (別) là phân biệt. Phân biệt rõ ràng rành rẽ thì gọi là Thức (識).

Theo như Phật pháp nói, thế giới này chỉ có Thức, trừ Thức ra, thứ gì cũng chẳng có, ý nghĩa này rất sâu, người bình thường chúng ta chẳng thể lý giải! Chúng ta thường nói “sâm la vạn tượng trong vũ trụ”, vì sao nói chúng đều không có? Phật pháp thường nói “*vạn pháp đều không*”, “*vạn pháp vô thường*”. Chúng ta lãnh hội đôi chút ý nghĩa vạn pháp vô thường, vì sao? Thấy con người có sanh, lão, bệnh, tử, thấy vũ trụ có thành, trụ, hoại, không, giống như vô thường, nên có thể lãnh hội đôi chút ý nghĩa vô thường; nhưng “*vạn pháp đều không*” chẳng dễ gì lãnh hội được! Nếu thông đạt Duy Thức, người ấy sẽ hiểu rất rõ đạo lý này. Vì hết thấy vạn pháp đều từ “*liễu biệt*” biến hiện. Nói cách khác, Thức là năng biến, vạn pháp là sở biến. Vạn pháp do đâu mà có? Đều do Thức biến hiện.

Rốt cuộc Thức là gì? Thức là tác dụng của Chân Như bản tánh; Thể của nó là Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh khởi tác dụng thì gọi là Thức. Bất luận là giác hay mê, thông thường chúng ta hay nói: Tác dụng của chân tánh khi giác ngộ thì gọi là Tứ Trí, khi mê thì gọi là tám thức. Thật ra, bốn trí và tám thức là một, không hai, là cùng một chuyện, chẳng

phải hai chuyện, chỉ có mê hay ngộ khác nhau mà thôi. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã nói: “*Đản chuyển kỳ danh, nhi bất chuyển kỳ Thể*”, [nghĩa là] bản thể không thay đổi, chỉ là đổi danh xưng mà thôi! Nếu quý vị khai ngộ, ngộ nhập thì gọi là Tứ Trí; nếu mê hoặc bèn gọi là tám thức, chỉ thay đổi tên gọi mà thôi. Thể, Tướng, Dụng (tác dụng) hoàn toàn như nhau, trọn chẳng có tơ hào thay đổi! Ví như có một người ở chung với chúng ta, khi người ấy đại triệt đại ngộ thì chúng ta bảo người ấy sử dụng tứ trí, chúng ta là những kẻ chẳng ngộ bèn dùng tám thức.

Duy Thức chuyên dùng tám thức để nói. Nói cách khác, chuyên nói về địa vị trong khi đang mê, nhằm mục đích khiến cho quý vị phá mê khai ngộ. Bách Pháp Minh Môn vừa khởi đầu bèn nêu ra tông chỉ. Tông chỉ của Bách Pháp Minh Môn là gì? Sách ghi: “*Nhất thiết pháp vô ngã*” (hết thấy pháp vô ngã). Nếu thật sự triệt để giác ngộ “hết thấy pháp vô ngã”, người ấy bèn nhập Đại Thừa. Vì thế, Bách Pháp Minh Môn là Duy Thức Tông nhập môn, Duy Thức là pháp Đại Thừa. Đại Thừa nhập môn là địa vị Kiến Đạo; sau khi kiến đạo mới có tư cách tu đạo. Địa vị Kiến Đạo là địa vị gì vậy? Là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác, đây là địa vị Kiến Đạo. Từ Nhị Trụ đến Đẳng Giác đều gọi là địa vị Tu Đạo, có bốn mươi địa vị. Diệu Giác là quả địa, gọi là địa vị Chứng Đạo, đã chứng đạo rồi. Có thể thấy là trong Phật pháp Đại Thừa, tiêu chuẩn Kiến Đạo khá cao, chẳng giống Tiểu Thừa. Trong Tiểu Thừa, Tu Đà Hoàn là địa vị Kiến Đạo, Nhị Quả, Tam Quả là địa vị Tu Đạo, Tứ Quả La Hán là địa vị Chứng Đạo. Điều kiện của Sơ Quả là phải đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới thì mới là địa vị Kiến Đạo, đó là quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa. Chúng ta nhất định phải biết điều này. Giải thích những danh tướng và thuật ngữ này khá rắc rối. Đầu thời Dân Quốc, cư sĩ Quý Thánh Nhất có biên soạn bộ Tứ Thập Nhị Chương Kinh Tân Sớ thích hợp cho người mới học Phật pháp nghiên cứu, [sách ấy] giải thích những danh từ thuật ngữ Phật giáo cơ bản đặc biệt tỉ mỉ.

Kinh luận Duy Thức gồm có sáu bộ kinh và mười một bộ luận¹. Duy Thức Tông căn cứ trên “*lục kinh thập nhất luận*”, lấy chúng làm

¹ Lục kinh là Hoa Nghiêm, Giải Thâm Mật, Như Lai Xuất Hiện Công Đức Trang Nghiêm, Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma, Lăng Già và Đại Thừa Mật Nghiêm. Mười một luận là Du Già Sư Địa Luận, Hiền Dung Thánh Giáo Luận, Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận, Tập Lượng Luận, Nhiếp Đại Thừa Luận, Thập Địa Kinh Luận, Quán Sở Duyên Duyên Luận, A Tỳ Đạt Ma Tập Luận, Nhị Thập Duy Thức Luận, Biện Trung Biên Luận, Phân Biệt Du Già Luận. Tuy không được kể trong danh sách này, nhưng một bộ luận được nghiên cứu chủ yếu của tông Duy Thức là Thành Duy Thức Luận.

khóa trình chủ tu. Trong sáu kinh, quan trọng nhất là Giải Thâm Mật Kinh và Lăng Già Kinh. Kinh Hoa Nghiêm cũng là một trong sáu kinh, mà cũng là kinh điển bắt buộc phải đọc trong Duy Thức Tông. Kinh Hoa Nghiêm đã dạy chúng ta: “*Ung quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (nên quán tánh pháp giới, hết thảy do tâm tạo), đây là chỗ y cứ quan trọng nhất trong Duy Thức luận. Pháp giới, không phải chỉ là thế gian này, mà là tận hư không trọn pháp giới, mười pháp giới thường nói trong kinh Phật được bao gồm trọn khắp trong ấy, toàn là do tự tâm của chúng ta hiện, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Trừ tâm thức ra, quả thật chẳng có một pháp nào.

Trong kinh nói: “*Duy thức giả, thử văn, thử nghĩa, giai thức sở biến*” (“Duy thức”: Kinh văn và nghĩa lý này đều do thức biến). “*Văn*” là kinh văn trong một quyển [kinh hay luận], hết thảy lý luận, phương pháp, cảnh giới được giảng trong ấy, không có gì chẳng do thức biến hiện. Thật ra, đạo lý này chẳng dễ hiểu cho lắm. Vì thế, trong kinh, đức Phật thường dùng “mộng huyễn” để làm tỷ dụ. Mọi người chúng ta đều nằm mộng, thời gian nằm mộng ngắn ngủi, tạm bợ, khi tỉnh giấc bèn giác ngộ: Chúng ta mới vừa nằm mộng. Lại suy nghĩ cặn kẽ rõ ràng cảnh giới trong mộng, quý vị nhớ rất rõ ràng. Mộng do đâu mà có? Mộng do tâm thức của chính mình biến hiện ra. Nếu khi vừa tỉnh mộng, ngay khi ấy, đối với đạo lý Duy Thức, nếu có chút kiến thức thông thường về Duy Thức, quý vị sẽ nghĩ ra. Nếu bình thường mà hỏi: Tâm có hình dạng như thế nào? Thức có hình dạng như thế nào? Quý vị sẽ chẳng nói được! Trong kinh này nói: “*Vô tướng, vô bất tướng*”. Vô tướng vì tâm và thức đều không có tướng; nhưng khi quý vị nằm mộng, quý vị bèn hiểu ngay: Khi ấy, chẳng phải là vô tướng, mà là hiện tướng. Nếu quý vị hỏi: Cái tâm có hình dạng ra sao ư? Toàn bộ cảnh trong mộng là hình dáng của tâm. Toàn bộ cái tâm biến thành cảnh mộng. Toàn bộ giấc mộng là cái tâm của quý vị. Toàn bộ cái tâm là cảnh trong mộng. Lúc ở trong mộng cảnh, cái tâm của quý vị thuộc trong mộng cảnh, tâm và mộng là một, chẳng phải hai!

Trong mộng, quý vị chợt giác ngộ. Đã giác ngộ, đối với toàn bộ mộng cảnh, quý vị sẽ bình đẳng. Trong mộng đương nhiên có chính mình, mà cũng có người khác, có núi, sông, đại địa, quý vị biết tất cả đều do ta biến hiện. Tất cả cảnh giới đều là ta, đều là chính mình, tánh bình đẳng sẽ sanh khởi. Tự và tha bất nhị, vạn pháp giống như một, thưa quý vị, đó gọi là Pháp Thân. Do có đồng học hỏi: “Rốt cuộc Pháp Thân là gì?” Đây chính là Pháp Thân. Hiện thời chúng ta có [Pháp Thân] hay không? Hiện thời có, nhưng quý vị chẳng thừa nhận. Núi, sông, đại địa, hư không trước mắt

đều do tâm thức của bản thân chúng ta biến hiện, nhưng chúng ta chẳng thừa nhận, tức là chẳng thừa nhận Pháp Thân của chính mình. Chẳng phải là không có, bày ra ngay trước mặt mà!

Chư Phật Như Lai thừa nhận, thừa nhận điều gì vậy? Giống như nằm mộng, toàn bộ vũ trụ, toàn bộ địa cầu, hết thảy chúng sanh đều là vật được biến hiện bởi tâm thức của chính mình. Trừ tâm thức ra, vật gì cũng chẳng có. Quý vị thật sự thừa nhận, thật sự khẳng định, sẽ chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh. Người chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh, chắc chắn chẳng có phiền não, vì sao? Không có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, chắc chắn không có những tướng ấy. Mê thì có, mới có ta, người, mới có giới hạn, mới có phân biệt. Ngộ thì chẳng có. Ngộ rồi thì hữu tình và vô tình có cùng một Thể với chính mình, một Thể, chẳng hai Thể. Đã thật sự giác ngộ: Chẳng có một pháp nào chẳng phải là chính mình. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Đó là người giác ngộ thật sự. Còn có ngã, còn có nhân, còn có thị phi, còn có tham, sân, si, mạn, đó là mê chưa ngộ; hễ đã ngộ, sẽ chắc chắn chẳng có! Vì thế, tâm ngộ bèn thanh tịnh, bình đẳng.

Chúng ta có thể tự mình phản tỉnh, chính mình rốt cuộc là ngộ hay chưa? Tâm đã ngộ chẳng sanh một niệm, hiểu rõ ràng, rành rẽ hết thảy cảnh giới. Đó là ngộ. Còn có phân biệt, còn có chấp trước, còn có vọng tưởng thì chính mình phải biết: Ta quyết định là mê, chưa ngộ! Chính mình nhất định phải nhận biết chính mình. Biết chính mình đang mê sẽ được cứu! Chính mình đang mê mà chẳng biết là đang mê, vẫn tưởng mình đã khai ngộ, chẳng cứu được! Giống như một người thân mang bệnh, kẻ ấy biết chính mình có bệnh sẽ được cứu, vì sao? Kẻ ấy sẽ tìm thầy thuốc. Cái thân của chính mình đầy bệnh, cứ ngỡ rất khỏe mạnh, “ta chẳng có bệnh gì”, về căn bản, kẻ ấy chẳng kiếm bác sĩ, tức là như đã chết rồi, không cứu được!

Biết chính mình mê hoặc, điên đảo, thưa quý vị, đó gọi là Thỉ Giác, kẻ ấy đã giác ngộ. Kẻ ấy giác ngộ điều gì? Biết chính mình mê hoặc, điên đảo, đó là giác ngộ. Thỉ Giác như trong kinh Phật nói là “bắt đầu giác ngộ”. Hết thảy chúng sanh trong thế gian chẳng biết, quý vị đem Phật pháp giới thiệu cho họ, họ chẳng tiếp nhận. Vì sao? Họ cho rằng họ chẳng có bệnh gì, họ ngỡ họ chẳng mê. Vì thế, Pháp Thân ở ngay trước mặt, Báo Thân cũng ở ngay trước mặt, mà chúng ta chẳng thể chứng đắc. Sau khi phá mê khai ngộ bèn chứng đắc. Phá mê khai ngộ phải có công phu, công phu gì vậy? Phải đoạn phiền não, phải phá Sở Tri Chương, phải đoạn vô

minh, đó là công phu. Nói cách khác, phải tu Giới, Định, Huệ. Chẳng tu Giới, Định, Huệ, chắc chắn chẳng thể chứng đắc!

Nghe kinh cho nhiều có thể hiểu được đạo lý này, đó gọi là gì vậy? Giải ngộ. Giải ngộ chưa dùng được. Ví như tôi nói những cảnh giới này, tôi có thể nói ra, đó là giải ngộ. Tôi nói được, nhưng chẳng làm được! Ví như tôi có thể giảng về Pháp Thân thanh tịnh rõ ràng, rành mạch, Báo Thân viên mãn cũng giảng rõ ràng, rành mạch, nhưng tôi chẳng thể chứng đắc. Tôi thấy hết thấy mọi người và sự việc trong thế gian này vẫn có phân biệt, vẫn là có chấp trước, vẫn có bất bình, nên chưa thể chứng đắc. Đủ thấy chứng đắc phải có công phu thật sự, nhưng giải ngộ có ích lợi gì? Tin tưởng, chẳng hoài nghi. Vì thế, giải ngộ có thể giúp chúng ta một chuyện là đoạn nghi sanh tín. Sau khi đã có lòng tin, sẽ nỗ lực dốc công nơi Giới - Định - Huệ.

Phương pháp, phương tiện tu Giới - Định - Huệ có thể nói là vô lượng vô biên, quá nhiều. Có cách rắc rối, phức tạp, có cách đơn giản. Đối với cách rắc rối, phức tạp, ta suy nghĩ sẽ thấy ta không có cách nào tu được, nghi thức, quy củ quá phiền toái! Ta bèn chọn lấy cách đơn giản, phương pháp đơn giản nhất là niệm A Di Đà Phật. Một câu A Di Đà Phật niệm tốt đẹp, thừa quý vị, Giới - Định - Huệ sẽ trọn đủ. Khi ta niệm A Di Đà Phật, trong tâm ta chẳng khởi vọng tưởng, chẳng nghĩ đến chuyện xấu, tức là “chẳng làm các điều ác”. A Di Đà Phật là vạn đức hồng danh, là điều lành nhất trong các điều lành, các pháp thế gian lẫn xuất thế gian không có gì lành hơn, ta trì A Di Đà Phật là “vâng làm các điều lành”. Vì thế, người niệm A Di Đà Phật giới luật đầy đủ. Giới Tiểu Thừa là “chẳng làm các điều ác”, giới Bồ Tát là “vâng làm các điều lành”. Vì thế, ta niệm một câu A Di Đà Phật, giới luật Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa đều đầy đủ. Ta chuyên tâm niệm một câu A Di Đà Phật là tu Định, câu A Di Đà Phật bốn chữ rõ ràng, rành mạch, phân minh. Đó là tu Huệ. Vì thế, một câu A Di Đà Phật là vạn dụng Tam Học bình đẳng, Tam Học Giới - Định - Huệ được hoàn thành cùng một lượt, công đức lợi ích ấy chẳng thể nghĩ bàn!

Những pháp môn khác tu Giới, tu Định rất phiền phức, còn chúng ta một câu A Di Đà Phật bèn đầy đủ toàn bộ. Niệm niệm A Di Đà Phật, niệm niệm đầy đủ Giới - Định - Huệ, còn có phương pháp nào thù thắng hơn? Đáng tiếc là người ta chẳng tin; chẳng tin là vì chưa thông suốt lý. Vì thế, giải ngộ có lợi, thật sự lý giải thấu triệt sẽ tin tưởng, tin sâu chẳng ngờ. Do vậy, trong vô lượng pháp môn, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, ta chọn chắc chắn pháp A Di Đà Phật này, ta tin tưởng, quyết định chẳng hoài nghi. Ta biết một câu Phật hiệu không chỉ là Tam Học đầy đủ, Tam

Tư Lương đầy đủ, tức là Tín - Nguyện - Hạnh đầy đủ, mà lục độ, vạn hạnh, vô lượng pháp môn, chẳng có pháp nào không đầy đủ. Nếu quý vị thật sự thông đạt đạo lý Duy Thức, quý vị sẽ tin tưởng.

Nói đến Biến thì Thức có thể biến, chúng ta lấy màn hình TV để làm tỷ dụ. Màn hình có thể hiện hình tượng. Tượng được hiện bởi tâm, bởi Chân Như bốn tánh. Chân Như bốn tánh có thể hiện tượng, nhưng [những tượng ấy] chẳng biến, nên gọi là Nhất Chân pháp giới. Vì sao Nhất Chân pháp giới biến thành mười pháp giới? Do Thức. Thức là “liễu biệt” (hiểu rõ, phân biệt). Phân biệt chẳng tốt, thưa quý vị, hiểu rõ cũng không tốt, vì sao? Hiểu rõ chính là căn bản của vô minh. Trong kinh Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na đã hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật: “Vô minh phát khởi như thế nào? Khi nào nó sẽ dấy lên? Do nguyên nhân nào mà dấy lên?” Đức Phật dạy Ngài tám chữ, giải thích vấn đề này rõ ràng, minh bạch: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (trên tri kiến, lại lập ra một cái biết nữa, đó là gốc của vô minh), căn bản của vô minh khởi lên như vậy đó!

Chân Như bốn tánh có giác, có minh, bốn giác, bốn minh; từ trong giác minh ấy, quý vị lại lập thêm một cái minh nữa, nên gọi là vô minh. Bốn giác bốn minh mỗi cá nhân chúng ta đều có, nên đức Phật nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Quý vị thật sự là Phật, đức Phật nói chẳng sai. Mắt chúng ta có thể thấy, đó là bốn giác bốn minh; tai có thể nghe chính là bốn giác bốn minh. Tác dụng của sáu căn là bốn giác bốn minh, là Phật tri, Phật kiến. Vì sao quý vị biến thành vô minh? Trên bốn minh, quý vị lại thêm vào một cái “minh” nữa, đó là vô minh. Bởi lẽ, bốn minh của quý vị vốn không có [vật gì khác], quý vị bướng bỉnh muốn thêm vào, đó gọi là vô minh, quý vị biến bốn tánh thành Thức.

Mắt chúng ta thấy sắc, tai nghe tiếng, thấy rõ ràng, nghe rành rẽ, chúng ta chẳng khởi tâm phân biệt. Đó là chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, khi ấy là Phật tri, Phật kiến. Mắt là Phật nhãn, tai là Phật nhĩ, hể khởi niệm: Đây là nền, kia là đèn điện, đó là vô minh! Khởi lên vô minh rồi! Trong bốn minh của quý vị chẳng có những phân biệt, chấp trước ấy; quý vị thêm vào đó những chấp trước, những danh tướng ấy, đó là vô minh. [Khởi lên phân biệt] ta đang niệm Phật, ta đang nghe kinh, đó đều là vô minh. Trong bốn giác bốn minh không có Phật, cũng chẳng có chúng sanh. Đó là Phật, kia là Bồ Tát, đây là A La Hán, kia là Tu Đà Hoàn, quý vị có hồng bát hay là không?

Đức Phật nói hết thấy các pháp là do quý vị mê nên Ngài mới nói. Nếu quý vị ngộ, đức Phật chẳng nói một câu nào, vì sao? “*Mở miệng liền*

trật, động niệm liền sai”. Động niệm là vô minh, vừa mở miệng đã sai bét rồi! Thuyết pháp là nói với kẻ mê, đối với người ngộ thì còn có gì để nói nữa? Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối đều tạo vô minh, tăng trưởng vô minh, quý vị phải giác ngộ! Luôn phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, luôn làm những chuyện ấy. Thanh Lương đại sư nói rất hay: *“Hữu giải vô hành, tăng trưởng tà kiến. Hữu hành vô giải, tăng trưởng vô minh”* (Có giải nhưng chẳng hành, tăng trưởng tà kiến. Có hành mà chẳng giải, tăng trưởng vô minh). Chúng ta thấy những người học Phật trong thời đại hiện tại, há chẳng đúng như Thanh Lương đại sư đã nói: Có một hạng người hằng ngày nghiên cứu kinh giáo, tăng trưởng tà kiến. Hạng kia thì thứ gì cũng chẳng cần, tôi tham Thiền, hoặc tôi niệm Phật, tăng trưởng vô minh. Tuy hằng ngày niệm Phật, hằng ngày tịnh tọa, nhưng hỏi gì cũng chẳng biết, tăng trưởng vô minh! Loại kia thì hằng ngày phân biệt, hằng ngày đầy vọng tưởng, tăng trưởng tà kiến. Đó đều chẳng phải là học Phật.

Học Phật, phải học theo cách nào? Phải giải hành hợp nhất. Nếu giải và hành biến thành một chuyện thì gọi là Chứng. Kinh Hoa Nghiêm nói *“nhập pháp giới”*, nhập như thế nào? Giải và hành biến thành một, bèn nhập! Giải và hành chia làm hai thứ sẽ chẳng nhập. Giải là giải, hành là hành, chưa nhập! Giải cũng chẳng nhập được, mà hành cũng chẳng nhập được! Nếu kết hợp với những thứ đã nói trong phần trên, ba món tín - giải - hành hợp thành một thì gọi là “nhập”. Tín - giải - hành là ba cá thể, là ba món độc lập, chẳng nhập! Tín cũng chẳng nhập, giải cũng chẳng nhập, hành cũng chẳng nhập. Nhất định phải hợp ba món tín - giải - hành thành một, sẽ gọi là *“nhập pháp giới”*. Nhập chẳng có chi khác, nhập là chứng, không có biệt thể, mà là ba thứ hợp thành một.

Cách hợp như thế nào? Chẳng hạn như đức Phật giảng đạo lý to lớn đường ấy, chúng ta hiểu rõ, hiểu rõ thì phải làm sao? Hiểu rõ rồi bèn buông xuống hết. Trong cuộc sống thường ngày, trong bộ Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch, pháp sư Giao Quang đã đề xướng *“dùng Căn bỏ Thức”*: Mắt ta thấy hết thấy sắc, dùng gì để thấy? Dùng tánh Thấy để thấy. Thấy bằng tánh Thấy như thế nào? Tánh Thấy là chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có vọng tưởng, giống như nay chúng ta mở to mắt, cái thấy thứ nhất là thấy bằng tánh Thấy, quý vị giữ gìn cái thấy đầu tiên ấy, đừng rót vào cái thứ hai. Rót vào cái thứ hai thì cái thứ hai là Thức, cái thứ hai đã phân biệt, rót vào trong phân biệt. Quý vị phải hiểu: Chẳng rót trong phân biệt thì hết thấy sắc tướng bình đẳng, chẳng có tốt, xấu, nhất định là bình đẳng. Hễ có tốt, xấu, cái này dễ coi, cái kia khó nhìn, hồng

bết! Rót vào trong thức rồi! Thức mới có phân biệt, mới có tốt, xấu, trong Tánh không có!

Bởi lẽ, Tánh giống như một tấm gương, gương cái gì cũng chiếu, nó không phân biệt, không chấp trước, chiếu rất rõ ràng, rành rẽ, minh bạch. Mắt chúng ta giống như tấm gương. Tai nghe âm thanh bên ngoài, nghe rõ ràng, rành rẽ, minh bạch, đừng nên [phân biệt] điều này êm tai, điều kia khó nghe, êm tai thì nghe thêm, chẳng êm tai bèn nhanh chóng tránh xa, đó là rót trong ý thức, đó là biến Tánh thành thức. Nói cách khác, quý vị từ địa vị Phật rót xuống địa vị phàm phu. Vì thế, kinh nói “*vốn đã thành Phật*” chẳng sai! Ngay trong ý niệm thứ nhất chúng ta là Phật, có gì chẳng phải là Phật? Đáng tiếc là chúng ta không giữ được ý niệm thứ nhất, nhưng chư Phật và các vị đại Bồ Tát có năng lực giữ được niệm thứ nhất, từ đầu đến cuối là niệm thứ nhất. Vì thế, gọi là Nhất Chân.

Đạo lý quan trọng nhất trong kinh này là dạy chúng ta hãy giữ gìn niệm thứ nhất: Nhất tâm bất loạn. Nhất tâm là niệm thứ nhất, chẳng có nhị tâm. Hễ quý vị có phân biệt thì là nhị tâm. Khi chẳng có phân biệt, chắc chắn là nhất tâm. Nhất tâm là Phật, nhị tâm là phàm phu. Vì sao từ Phật mà biến thành phàm phu là như thế đó! Sau khi hiểu rõ, quý vị phải hiểu cách tu hành như thế nào. Bởi lẽ, tu hành là chuyện trong cuộc sống thường ngày: Xử sự, đãi người, tiếp vật, chúng ta dùng nhất tâm. Quý vị có thể dùng nhất tâm thì Tín và Giải đều biến thành một. Mục đích của Giải là không gì chẳng nhằm khiến cho quý vị giác ngộ nhất tâm, Hành là bảo quý vị hãy dùng nhất tâm. Hiện thời, ta thật sự dùng nhất tâm để đãi người, tiếp vật, Giải và Hành bèn hợp thành một!

Kẻ khác phân biệt, chấp trước đối với ta, kẻ ấy là phàm phu, hẳn dùng tam tâm nhị ý. Tam tâm nhị ý là thức, cho nên nói “tam tâm” là tâm, ý, thức. Mạt Na gọi là Ý, thức thứ sáu, tức Ý Thức, là Thức. Sáu thức trước đều gọi là Thức. [Ý Thức, Mạt Na, và sáu thức trước] gọi là tám thức. “Tam tâm” chính là tám thức. Nhị Ý là Mạt Na và thức thứ sáu. Mạt Na là Ý Căn, thức thứ sáu là Ý Thức. Hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới xử sự, đãi người, tiếp vật đều dùng tam tâm nhị ý. Phật và các đại Bồ Tát dùng chân tâm, dùng căn tánh của sáu căn. Giao Quang đại sư nói “*bỏ Thức dùng Căn*”, các Ngài chẳng dùng tam tâm nhị ý. Đây là chỗ khác biệt giữa chư Phật, Bồ Tát và phàm phu cùng chúng sanh trong chín pháp giới. Trọn chẳng phải là họ có điều gì khác, chỉ là dụng tâm khác nhau. Trừ dụng tâm khác nhau ra, chẳng có gì khác biệt, đều giống hệt nhau, chỉ là dụng tâm khác nhau. Đạo lý này có mức độ khá sâu, trong các buổi giảng tôi cũng thường nhắc đến. Mỗi lần nghe, nói chung, quý vị lãnh hội

sâu hơn thì tốt lắm. Tuy chưa làm được, nhưng thường nghe cũng có lợi, giúp chúng ta chuyển Thức thành Trí. Nói “chuyển Thức thành Trí” là bỏ tam tâm nhị ý, dùng nhất tâm bất loạn, sử dụng nhất tâm.

Nhưng đã nói đến Sở Biến thì [sách Diễn Nghĩa nói] Biến có hai thứ:

- “*Nhất giả, nhân duyên biến, hữu thật Thể Dụng*” (Một là nhân duyên biến, có Thể và Dụng thật sự). Nhân duyên biến có Thể và Dụng, tức là có Thể và Dụng thật sự. Năm thức trước (nhãn thức, nhĩ thức v.v...) và thức thứ tám là nhân duyên biến.

- “*Nhị giả, phân biệt biến, dẫn khả vi cảnh, thị lực thất nhị thức*” (Hai là phân biệt biến, chỉ có thể làm cảnh, đó là hai thức thứ sáu và thức bảy). Năng lực phân biệt, chấp trước của năm thức trước và A Lại Da Thức vô cùng yếu ớt. Năng lực phân biệt, chấp trước, vọng tưởng mạnh mẽ nhất là thức thứ sáu và thức thứ bảy. Khi chuyển Thức thành Trí, trước hết, phải chuyển từ thức thứ sáu và thức thứ bảy. Hết thức thứ sáu và thức thứ bảy đã chuyển, năm thức trước và thức thứ tám sẽ chuyển theo. Thức thứ sáu và bảy chuyển nơi nhân, năm thức trước và thức thứ tám chuyển nơi quả. Do điều này, chúng ta phải hiểu rõ: Tu hành phải chú ý điều gì? Chú ý thức thứ sáu và thức bảy. Nói cách khác, thức thứ sáu là phân biệt, thức thứ bảy là chấp trước. Trong hết thấy cảnh giới, lắm phân biệt, lắm chấp trước là tăng trưởng tà kiến; ít phân biệt, ít chấp trước là tăng trưởng trí huệ.

[Sách Diễn Nghĩa giảng]: “*Thanh thị nhân duyên biến, Danh, Cú, Văn cập sở thuyên nghĩa thị phân biệt biến*” (Thanh là nhân duyên biến, Danh, Cú, Văn và nghĩa được diễn nói [bởi Thanh, Danh, Cú, Văn] là phân biệt biến). Người thông minh tạo ra những phù hiệu ấy, phù hiệu này gọi là gì, tượng trưng cho ý nghĩa nào, dạy mọi người có cùng phân biệt, chấp trước ấy, những phù hiệu ấy biến thành văn tự. Do vậy, văn tự có nguồn gốc từ phân biệt, chấp trước, chẳng giống như âm thanh, âm thanh do duyên mà biến thành. Đó là nói về Giáo Thể, nói theo Lý thì nó có những đạo lý ấy.

“*Nhi hữu bốn ảnh tứ cú*” (nhưng có bốn câu như bốn, ảnh), “*bốn*” là bản chất, “*ảnh*” là hình bóng, cũng có thể nói [bốn ảnh] là cội rễ và cành nhánh. Giống như chúng ta đứng dưới ánh đèn, chúng ta là bốn, còn cái bóng là thứ kèm theo, nói theo tỷ dụ này. Bốn là thật, thật sự có; Ảnh là hình bóng. Nói theo cách hiện thời sẽ là trong tâm quý vị có ấn tượng, ấn tượng ấy chẳng chân thật. Ví như chúng ta thấy một người, người ấy là bản thể (Bốn); người ấy đã rời khỏi, nhưng chúng ta thường nghĩ đến

người ấy, nghĩ tới hình dáng của người ấy thì hình dáng ấy là hình bóng (Ảnh), chẳng thật. Lại nêu một tỷ dụ khác, giống như tấm gương soi bên ngoài: Hình tượng của vật bên ngoài là Bồn, bóng soi trong gương là ảnh tượng; chúng chẳng phải là Bồn. Thức của chúng ta giống như bản thể của tấm gương, giống hệt như Thể của tấm gương.

(Sớ) Tứ cú giả.

(疏) 四句者。

(Sớ: Bốn câu là).

Giải thích câu “bốn ảnh tứ cú”.

(Sớ) Nhất, duy Bồn vô Ảnh.

(疏) 一、唯本無影。

(Sớ: Một là chỉ có Bồn, không có Ảnh).

Chỉ có Bồn, không có Ảnh. Nói thật ra, đây là sai lầm, coi Ảnh là Bồn, chứ không phải là chẳng có Ảnh. Coi Ảnh cũng là Bồn là một sai lầm rất to!

(Sớ) Tức Tiểu Thừa Giáo.

(疏) 即小乘教。

(Sớ: Chính là Tiểu Thừa Giáo).

[Quan niệm] “chỉ có Bồn, không có Ảnh” là Tiểu Thừa Giáo.

(Sớ) Bất tri giáo pháp giai duy thức hiện, vị Như Lai thật hữu thuyết pháp cố.

(疏) 不知教法皆唯識現，謂如來實有說法故。

(Sớ: [Vị người Tiểu Thừa] chẳng biết giáo pháp đều chỉ do thức hiện, họ cho rằng đức Như Lai thật sự có thuyết pháp).

Hiện thời, có nhiều người coi điều này là chân thật, nhất là trong giới học thuật hiện thời, hễ muốn khảo chứng đều tìm đến Phật Giáo Nguyên Thủy, vì sao? Họ cho rằng đức Phật có pháp để có thể nói. Thật vậy! Đây chẳng phải là hiểu nghĩa chân thật của Như Lai. Tuy họ là những nhân vật có uy tín trong giới học thuật hiện thời, thậm chí những người có uy tín khoa học trên thế giới vẫn không thể, vẫn chẳng hiểu nghĩa chân

thật của Như Lai, vẫn là như Thanh Lương đại sư đã nói “*tăng trưởng tà kiến*” mà thôi! Chúng ta nói với họ, họ nói chúng ta không thông hiểu, nói chúng ta chẳng đọc kinh điển Phật Giáo Nguyên Thủy, mà [nếu có đọc] cũng không đọc nhiều bằng họ, cũng chẳng học nhiều như họ, không thông hiểu! Chúng ta chẳng đáng cho họ ngó tới! Suốt ngày từ sáng đến tối phân biệt, chấp trước; trong Duy Thức gọi [kiến giải này] là “*duy Bốn vô Ảnh*”, [tức là] coi Ảnh cũng là Bốn, Bốn và Ảnh chẳng phân. Chẳng hiểu Như Lai vẫn chưa sao, quan trọng hơn là gì? Chẳng biết chính mình, vấn đề này nghiêm trọng lắm!

Đức Phật nói ra hết thấy các pháp, nhằm dạy chúng ta nhận biết chính mình, nhằm dạy chúng ta hiển lộ chân tánh của chính mình, mong chúng ta nhận thức Như Lai của chính mình, chứ không phải là nhận thức Phật, đó là nghĩa chân thật của Phật. Nay chúng ta hiểu lầm phương hướng và mục tiêu này, một mục truy cầu Như Lai của Thích Ca Mâu Ni Phật, chỉ lo khảo cứu, suy xét kinh điển của Ngài, chẳng biết quay lại tìm kiếm Như Lai trong tâm tánh của chính mình, hiển lộ hết thấy kinh điển trong tâm tánh của chính mình, làm lẫn phương hướng! Vì thế, trong hết thấy các đại kinh, đại luận, đức Phật đã khai thị minh bạch: “*Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạt năng giải*” (Phật pháp không có người nói thì tuy là kẻ trí cũng chẳng thể hiểu). Người thông minh trí huệ bậc nhất trong thế gian cũng chẳng có cách nào lý giải Phật pháp, đạo lý ở chỗ này: Đã làm lẫn phương hướng rồi! Há chẳng nghe kinh thường nói: “*Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”. Phải tìm pháp ở trong tâm. Từ trong pháp phải biết trở về tự tâm, tìm pháp ngay trong tâm, đức Phật dạy chúng ta như thế. Vì thế gọi là Vô Thượng Chánh Giác.

Người thế gian không có phương pháp nào để thấu hiểu, vì sao không có cách nào thấu hiểu? Nói đơn giản một câu là: Tâm họ chẳng thanh tịnh. Trong tâm họ gây tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, trong tâm họ có thị phi, nhân ngã; cho nên không có cách nào thấu hiểu đến mức này, chẳng thể quay đầu. Nếu tiếng tăm, lợi dưỡng, thị phi, nhân ngã đều có thể bỏ sạch, khôi phục tự tánh thanh tịnh tâm, họ sẽ thấu hiểu, vừa mở kinh điển ra, ngay lập tức hiểu rõ đức Phật nói những ý nghĩa nào, chúng ta nên thọ trì như thế nào, phải tiếp nhận ra sao? Bậc thánh nhân Tiểu Thừa, người Tiểu Thừa chấp tướng, tuy phá Ngã Chấp, chưa phá Pháp Chấp, so với phàm phu chúng ta rốt cuộc vẫn cao hơn một tầng: Họ có thể thành tựu Cửu Thứ Đệ Định, nhưng chưa thể khai trí huệ. Nói cách khác, chưa thể kiến tánh. Vì sao chưa thể kiến tánh? Gốc bệnh ở chỗ coi Ảnh là Bốn, đó là Pháp Chấp, cho rằng Như Lai thật sự có pháp để nói. Người Tiểu Thừa

chẳng thể lãnh hội hư không pháp giới chỉ do Thức biến, chẳng biết tam giới duy tâm. Vì thế, họ chấp trước “ngoài tâm có cảnh”, giống những kẻ ngu si coi bóng dáng là chân thật, chẳng biết đó là bóng dáng.

(Sớ) Nhị, diệc Bồn, diệc Ảnh, tức Thi Giáo.

(疏) 二、亦本亦影，即始教。

(Sớ: Hai, Bồn và Ảnh cùng có, đây là Thi Giáo).

Vừa là Ảnh vừa là Bồn, cao minh hơn loại trước. Bồn và Ảnh đều phân định rõ ràng. Đây là giáo nghĩa trong Thi Giáo, tức là bắt đầu của Đại Thừa.

(Sớ) Dĩ Phật tự tuyên thuyết, nhược văn, nhược nghĩa, giai tùng Diệu Quán Sát Trí tịnh thức sở hiện, danh Bồn Chất giáo.

(疏) 以佛自宣說，若文若義，皆從妙觀察智淨識所現，名本質教。

(Sớ: Do đức Phật tự tuyên nói, dù văn hay nghĩa đều từ tịnh thức của Diệu Quán Sát Trí hiện ra, gọi là Bồn Chất giáo).

Dích xác là trí huệ khá cao, họ hiểu, họ biết những kinh điển do đức Phật đã giảng do đâu mà ra: Cũng là từ sự phân biệt, chấp trước của Phật mà hiển lộ. Tôi nói phân biệt, chấp trước cho mọi người dễ hiểu hơn một chút, nhưng phân biệt, chấp trước là cảnh giới phạm phu, Phật có hay không? Phật cũng có! Diệu Quán Sát Trí là gì? Tịnh thức là gì? Vì Phật giác chứ không mê, sự phân biệt chấp trước do giác chứ không mê được gọi là Diệu Quán Sát Trí, hay tịnh thức. Nói cách khác, Diệu Quán Sát Trí của chúng ta là mê. Do mê nên gọi là phân biệt, tịnh thức của chúng ta bị mê. Mê thì gọi là A Lại Da Thức, cũng là thay đổi danh tự, trộn chẳng thay đổi sự tướng. Chúng ta mê chứ không giác, Phật là giác chứ không mê.

Tôi lại nói đơn giản hơn một chút, Phật suốt ngày từ sáng đến tối nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn là giác chứ không mê. Giác là gì? Nhất tâm bất loạn là giác. Chúng ta tam tâm nhị ý, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, đó là mê. Tưởng Phật, tưởng Bồ Tát đều là mê; thường nghĩ đến những cảnh giới trong kinh điển, thưa quý vị, vẫn là mê! Mê nhiều ngàn ấy chẳng bằng mê một chuyện, niệm A Di Đà Phật tốt hơn. Quý vị phải hiểu rõ lý này rất sâu! Nếu tôi mê đạo lý nhiều dường ấy trong

hết thấy các kinh, vì sao tôi chẳng chọn một mình A Di Đà Phật, mê bốn chữ này tốt hơn nhiều. Quý vị mê càng nhiều, sẽ chẳng dễ khai ngộ! Mê một thứ dễ khai ngộ! Vì một thứ sẽ dễ thoát hơn, giác ngộ được! Quá nhiều, chẳng thể thoát khỏi chúng. Đạo lý này rất sâu, quý vị phải chú tâm thấu hiểu. Đến khi quý vị đã biết dụng tâm, cũng sẽ biết cách nghiên cứu kinh hay đọc kinh.

Vì sao tôi cần phải nghiên cứu các kinh? Có hai mục đích: Một là vì chính mình, giúp chúng ta kiến lập tín tâm, phá nghi, sanh tín, nên tôi phải đọc hết thấy các kinh. Ngoài ra, một mục đích nữa là tiếp dẫn chúng sanh. Muốn đạt thành hai mục đích này, thấy đều phải điều hợp Giải và Hành thành một. Nói cách khác, xử sự, đãi người, tiếp vật chỉ dùng nhất tâm, một lòng chân thành, ta dùng tấm lòng ấy. Người khác đối xử với ta bằng tấm lòng hư vọng là chuyện của họ, họ chẳng mong thành tựu, ta mong thành tựu, ta đãi người bằng lòng chân thành. Ta tu điều gì trong cảnh giới? Tu bất loạn. Bất luận cảnh giới nào hiện tiền, ta đều phải giữ bình tĩnh, chẳng loạn. Quý vị bất loạn, sẽ có Định, có Huệ. Hễ loạn thì Định lẫn Huệ đều không có. Tu là tu điều này. Khi ta sắp bị loạn, phải mau niệm A Di Đà Phật; một câu A Di Đà Phật thâm hồi cái tâm loạn, lại thâm thành một khối. Do vậy, trong tất cả các pháp môn, quý vị thấy trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù, Phổ Hiền thay Thiện Tài đồng tử chọn pháp Niệm Phật này; đây là pháp môn thù thắng, thuận tiện nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, đáng tin cậy nhất, quý vị phải biết tu. Người thật sự biết tu sẽ nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, “Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”, thật sự đạt được đại tự tại.

Hết thấy các kinh Phật lưu lộ từ sự phân biệt, chấp trước của giác ngộ: Sau khi giác ngộ, thuận theo sự phân biệt của chúng sanh mà phân biệt, thuận theo sự chấp trước của chúng sanh mà chấp trước; chính mình chắc chắn không có phân biệt, chấp trước. Đó gọi là Diệu Quán Sát Trí, là Tịnh Thức. Chẳng phải là Phật thật sự có phân biệt, chấp trước, Phật chẳng có [những thứ phân biệt, chấp trước này]. Vì thế, đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, trong kinh Kim Cang có nói: Ai bảo Phật thuyết pháp chính là báng Phật. Ngài chẳng thừa nhận, một câu pháp nào Phật cũng chẳng nói! Xét theo đạo lý, quả thật chẳng có một câu pháp nào. Những điều Phật đã nói là thuận theo quý vị mà nói. Quý vị nói như vậy, tôi cũng nói như vậy, chẳng phải là tôi nói. Về căn bản, tôi chẳng nói một câu pháp nào. Quý vị nói cái này là sách, được rồi, tôi cũng bảo nó là sách. “Sách” là phân biệt, chấp trước, tôi không có! Quý vị nói đây là sách, tôi nói theo quý vị nó là sách, quý vị chấp trước đây là sách, được rồi! Tôi

cũng chấp trước theo quý vị. Tâm tôi quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước. Chẳng có phân biệt, chấp trước là giác, là tịnh. Phàm phu chúng ta thừa nhận đây là sách, thật sự chấp trước nó là sách, thật sự phân biệt nó là sách. Họ quả thật có phân biệt chấp trước ấy; chấp trước ấy là ô nhiễm, chấp trước ấy là mê. Thừa cùng quý vị, chỗ khác nhau giữa Phật và phàm phu là chỗ này, đơn giản như thế đó! Nếu thấu triệt tầng [nghĩa lý] này, sẽ thấu triệt toàn bộ Tam Tạng mười hai bộ loại. Nhìn từ phía Phật mà nói, những điều đức Phật giảng là Bản Chất giáo, là giác chứ không mê, chẳng nói mà nói, nói mà không nói, đó là Phật.

(Sớ) Văn giả.

(疏) 聞者。

(Sớ: Nghe là...)

Chúng ta nghe là thức thứ sáu, thức thứ bảy và thức thứ tám khởi tác dụng. Năm thức trước cũng đều khởi tác dụng, nhãn thức nhìn, nhĩ thức nghe, thức thứ sáu tức Ý Thức phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, thức thứ tám lưu lại ấn tượng, thấy đều khởi tác dụng.

(Sớ) Văn giả thức thượng sở biến văn nghĩa, danh Ảnh Tượng giáo.

(疏) 聞者識上所變文義，名影像教。

(Sớ: Nghe là [lãnh hội] văn và nghĩa do thức biến, nên gọi là Ảnh Tượng giáo).

Bản Chất Giáo của Phật khiến cho chúng ta nhận được hình dáng (lưu lại ấn tượng), chúng ta như tấm gương chiếu soi. Đó là Phật gia trì, giúp đỡ chúng ta.

(Sớ) Chư Phật chúng sanh hỗ vi tăng thượng cố.

(疏) 諸佛眾生互為增上故。

(Sớ: Chư Phật và chúng sanh tăng thượng lẫn nhau).

Phật gia trì chúng ta, Phật dạy chúng ta giác ngộ. Chúng ta nghe xong, giác ngộ, hiểu rõ đạo lý này. Chúng sanh giúp Phật ở chỗ nào? Quý vị phải hiểu: Không có chúng sanh mê hoặc, điên đảo, Phật chẳng khởi lên những thứ ấy, Ngài cũng chẳng khởi lên Bản Chất giáo. Vì thấy chúng sanh mê, nên từ sự mê ấy khiến cho Phật giác ngộ, Phật giác ngộ trước.

Không có chúng sanh mê hoặc, điên đảo, Phật đến nơi đâu để giác ngộ? Phật cũng chẳng thành Phật được! Thầy trò hợp đạo, học trò giúp đỡ thầy, thầy dạy bảo học trò. Không có những chúng sanh ấy, Phật cũng chẳng nói một câu nào! Chính vì chúng sanh điên đảo, nên Phật mới có kinh để nói, mới giảng nhiều ngàn ấy.

Trong Duy Thức nói đến Tâm Vương, Tâm Sở. Nói thật ra, Tâm Vương vẫn là thanh tịnh, Tâm Sở mới chẳng thanh tịnh. Ví như Ý Thức là thức thứ sáu, tuy thức thứ sáu phân biệt, mắt chúng ta thấy những sắc tướng phân biệt từng thứ một. Tuy phân biệt mà vẫn chẳng khởi tâm động niệm; khởi tâm động niệm mới ô nhiễm. Khởi tâm gì vậy? Động niệm nào vậy? Hợp với ý nghĩ của mình bèn khởi tâm tham; chẳng hợp ý mình bèn khởi tâm sân khuê. Tham, sân, si, mạn đều là Tâm Sở pháp, trong Tâm Vương không có, [tham, sân, si, mạn] phụ thuộc Tâm Sở. Có một tỷ dụ: Giống như thủ trưởng trong một cơ quan, thủ trưởng rất tốt, hết sức công bình, chánh trực, hết sức yêu dân, những thuộc hạ phía dưới tham tàn, sái pháp, có cách nào đây? Lũ tay chân làm chuyện xấu, thủ trưởng vẫn chẳng biết. Năm mươi một Tâm Sở đều là tay sai của Tâm Vương, chúng làm chuyện xấu. Nếu chỉ mình Tâm Vương, không nhắc đến Tâm Sở, thì Tâm Vương thanh tịnh. Có thể nói tám thức đều là tịnh thức, tám thức đều là pháp vô lậu. Đáng tiếc là chúng bị lũ thuộc hạ làm bậy, năm mươi một Tâm Sở làm chuyện xấu.

Trong năm mươi một Tâm Sở, có mười một Tâm Sở là lành, có hai mươi sáu Tâm Sở là ác (Căn Bản Phiền Não gồm sáu món, Tùy Phiền Não là hai mươi món), bốn món Bất Định, năm món Biến Hành, năm món Biệt Cảnh², tổng cộng là năm mươi một Tâm Sở. Năm mươi một món này là “cán bộ” (personnel) của Tâm Vương. Tất cả hết thảy bị ô nhiễm, biến vô lậu thành hữu lậu, biến tịnh thức thành ô nhiễm thức, đều là chuyện do Tâm Sở gây ra. Vì sao chúng tôi thường nói đến thức thứ sáu và thức thứ bảy? Vì Tâm Sở tương ứng với thức thứ sáu nhiều nhất, năm mươi một Tâm Sở toàn bộ đều có [mối liên quan với thức thứ sáu], và ba mươi bốn

² Theo Thành Duy Thức Luận, gọi là Biến Hành (Sarvatraga) vì nó hội đủ bốn điều kiện: 1) Bao gồm hết thảy tánh (thiện, ác, không thiện không ác). 2) Hết thảy nơi. 3) Hết thảy thời (từ vô thủy đến nay). 4) Cùng chung với hết thảy (sanh cùng hết thảy các Tâm Sở). Biến Hành gồm Tác Ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư. Bất Định (Aniyata) là Hối, Thù Miên, Tầm, Tư. Gọi là Bất Định vì nó không trọn đủ bốn điều kiện trên đây, mà cũng tùy theo hoàn cảnh mà định là thiện hay ác. Biệt Cảnh (Vibhāvanā) là đối lập với Biến Hành. Chữ Biệt Cảnh chỉ những cảnh giới đặc thù khiến cho tác dụng tâm lý (Tâm Sở) phát sanh. Biệt Cảnh gồm Dục, Thắng Giải, Niệm, Định, và Huệ.

món Tâm Sở tương ứng với thức thứ bảy. Những Tâm Sở tương ứng với năm thức trước và thức thứ tám rất ít. Thức thứ tám chỉ có năm Tâm Sở (năm Biên Hành), những món khác đều chẳng tương ứng. Do vậy, ô nhiễm nghiêm trọng nhất, sức lực mạnh nhất chính là thức thứ sáu và thức bảy. Diệu Quán Sát Trí là chuyển ý thức, tức thức thứ sáu, thành Diệu Quán Sát, chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh. Quý vị phải hiểu: Chỉ cần quý vị chẳng chấp trước, tâm bèn bình đẳng. Tâm bình đẳng là Phật tâm.

Tôi vừa mới đặc biệt nhấn mạnh: Xử sự, đãi người, tiếp vật, học Phật là học cách dụng tâm. Phật tâm là tâm bình đẳng, có thể dùng cái tâm bình đẳng để đãi người, tiếp vật, người ấy là Phật, người ấy sử dụng Phật tâm. Bồ Tát dùng tâm Lục Độ, Bồ Tát niệm niệm Bồ Thái, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã, dùng cái tâm ấy để xử sự, đãi người, tiếp vật. Bích Chi Phật dùng tâm Duyên Giác, dùng tâm mười hai nhân duyên. Thanh Văn là A La Hán dùng tâm Tứ Đế. Chư thiên dùng tâm Thập Thiện. Con người dùng tâm Ngũ Giới. Quỷ dùng tâm tham. Súc sanh là tâm ngu si. Địa ngục là tâm sân khuể. Trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta: Người trong mười pháp giới vì sao biến thành mười pháp giới? Họ xử sự, đãi người, tiếp vật, dùng cái tâm khác nhau. Vì thế, dùng tâm bình đẳng là tối thượng. Trong hết thảy các pháp chẳng chấp trước, tâm bèn bình đẳng. Trong hết thảy các pháp, chẳng phân biệt, đó là Diệu Quán Sát. Nếu chuyển biến hai thức này thì năm thức trước biến thành Thành Sở Tác Trí, A Lại Da Thức biến thành Đại Viên Kính Trí, tự nhiên chuyển biến, chẳng cần phải dụng công, chỉ dụng công nơi thức thứ sáu và thức bảy. Như vậy thì vì sao chúng ta phải phân biệt, chấp trước kiên cường như thế? Đó là lỗi lầm to lớn của chúng ta. Cương lĩnh tu hành Phật pháp là “*giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm*”. Nói chung là quên tuốt những điều này!

Trong thế gian hiện thời, yêu ma, quỷ quái thứ gì cũng đều xuất hiện. Mọi người phải biết, phải giác ngộ. Những yêu ma, quỷ quái ấy cũng xâm nhập Phật pháp, lừa gạt chúng sanh. Trong nước, ngoài nước đều hết sức phổ biến. Tôi ở ngoại quốc thấy nhiều lắm, chúng tự xưng là vị Phật gì đó tái lai, Bồ Tát nào đây tái lai, tín đồ đông khôn xiết! Chánh pháp chẳng có ai đến nghe, trong ma pháp có trên ngàn vạn tín đồ! Đó là điềm dự báo chúng sanh bất hạnh, thế giới đại loạn. Còn một điểm nữa, đừng nên giúp đỡ yêu ma, quỷ quái, [nếu giúp đỡ chúng], quý vị sẽ tự gánh lấy trách nhiệm nhân quả. Vì sao yêu ma quỷ quái có thế lực lớn như vậy? Người giúp đỡ chúng đông quá. Bọn họ là bọn đầu sỏ gây tội; quý vị giúp

đờ chúng, tức là tông phạm. Nhất định phải giác ngộ, hãy thật thà niệm Phật. Hôm nay đã hết thời gian rồi!